

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Cẩm Phả, ngày 06 tháng 7 năm 2020*

Số: 171/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:171/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đ T H, sinh năm 1979.  
Địa chỉ: Tổ 2, khu A, phường C Ô, thành phố C P, tỉnh Q N.
- Bị đơn: Anh N V T; Tên gọi khác: N Đ T, sinh năm 1975.  
Địa chỉ: Tổ 2, khu A, phường C Ô, thành phố C P, tỉnh Q N.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Đ T H và anh N V T (N Đ T).
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ T H và anh N V T (N Đ T) cùng thuận tình ly hôn.
  - Về con chung: Chị Đ T H và anh N V T (N Đ T) có 02 con chung là N Q Đ, sinh ngày 27/10/2000 và NT T D, sinh ngày 02/02/2004. Khi ly hôn, con N Q Đ đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần nên chị H và anh T

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Đ T H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con N T T D cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N V T (N Đ T) không phải cấp dưỡng cho con D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Đ T H và anh N V T (N Đ T) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Đ T H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm 150.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0005224 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C P, tỉnh Q N. Trả lại cho chị Đ T H số tiền chênh lệch là 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Q N;*
- *VKSND tp C P;*
- *Chi cục THADS tp C P;*
- *UBND phường P C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu văn phòng.*

**THẨM PHÁN**

**Trương Thị Túc**